



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
	Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**  
43 Tô Hiệu  
Phường Ngô Quyền  
Thành phố Nam Định  
Tỉnh Nam Định  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**  
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2022

ÔN  
NHÌ  
CP  
LIỀ



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày **30-03-2022** được trình bày từ trang 6 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

### ***Thu nhập từ cổ tức***

Trong năm 2020, Tổng công ty ghi nhận khoản cổ tức 5,75 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định, một công ty liên kết, dựa trên đề xuất chia cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của công ty liên kết này. Ngày 29 tháng 4 năm 2021, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc chia cổ tức từ lợi nhuận giữ lại của năm 2020 với tỷ lệ 25% tương ứng là 5,75 tỷ VND cho Tổng công ty. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, quyền nhận khoản cổ tức này của Tổng công ty chưa được xác lập. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phải thu ngắn hạn khác và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng đang bị ghi nhận thừa cùng một khoản 5,75 tỷ VND, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc cùng ngày đang bị ghi nhận thừa cùng một khoản 5,75 tỷ VND. Vấn đề này khiến chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đang bị ghi nhận thiếu cùng một khoản 5,75 tỷ VND.

### ***Trích lập quỹ lương dự phòng***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 trong số dư phải trả người lao động có 15 tỷ VND là khoản Công ty trích dự phòng tiền lương để trả cho nhân viên cho kỳ sau. Tuy nhiên, việc ghi nhận dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("VAS 18"), do Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại thời điểm báo cáo. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên bảng cân đối kế toán riêng, phải trả người lao động đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đang bị ghi nhận thiếu 3 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi nhận thiếu 12 tỷ VND. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, chi phí quản lý doanh nghiệp đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, thuế thu nhập doanh nghiệp đang bị ghi nhận thiếu 3 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế đang bị ghi nhận thiếu 12 tỷ VND.



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00231-22-1



Wang Toun Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>457.467.088.338</b>	<b>364.865.464.072</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>38.235.752.829</b>	<b>16.548.630.328</b>
Tiền	111		38.235.752.829	16.548.630.328
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	16.000.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>191.631.702.333</b>	<b>213.028.941.603</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	191.419.391.351	198.264.898.873
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.821.587.527	5.763.546.713
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	3.000.000.000	6.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	3.609.579.315	12.424.811.962
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.218.855.860)	(9.924.315.945)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>208.923.022.047</b>	<b>127.622.124.400</b>
Hàng tồn kho	141		209.489.183.760	128.858.581.173
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(566.161.713)	(1.236.456.773)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.676.611.129</b>	<b>2.665.767.741</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	2.676.611.129	2.592.871.259
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	-	72.896.482

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>645.100.967.858</b>	<b>698.582.784.426</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>695.980.960</b>	<b>7.461.807.506</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.895.980.960	9.461.807.506
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(3.200.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>550.757.468.215</b>	<b>595.403.023.645</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	543.120.990.048	585.125.691.354
<i>Nguyên giá</i>	222		1.009.421.826.799	1.001.746.644.159
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(466.300.836.751)	(416.620.952.805)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	7.384.478.167	9.962.332.291
<i>Nguyên giá</i>	225		14.580.151.169	14.580.151.169
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(7.195.673.002)	(4.617.818.878)
Tài sản cố định vô hình	227		252.000.000	315.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		660.000.000	698.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(408.000.000)	(383.000.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>5.573.962.839</b>	<b>6.138.075.942</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		12.378.939.809	12.378.939.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.804.976.970)	(6.240.863.867)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.480.307.484</b>	<b>18.461.496.771</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	18.480.307.484	18.461.496.771
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>64.883.209.426</b>	<b>64.883.209.426</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	4.200.000.000	4.200.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.710.038.934</b>	<b>6.235.171.136</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	4.710.038.934	6.235.171.136
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.102.568.056.196</b>	<b>1.063.448.248.498</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*




**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>832.245.877.378</b>	<b>862.532.337.392</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>469.550.354.830</b>	<b>439.613.992.814</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	176.936.273.879	69.765.673.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.268.756.597	791.548.122
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.046.616.407	624.259.709
Phải trả người lao động	314		32.329.038.022	5.942.131.174
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.523.629.198	2.492.223.722
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	612.811.831	1.348.189.639
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	1.456.513.448	4.205.736.467
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20(a)	249.720.260.955	353.163.375.540
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	656.454.493	1.280.854.493
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>362.695.522.548</b>	<b>422.918.344.578</b>
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	3.831.923.822	6.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20(b)	358.863.598.726	416.586.420.756
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>270.322.178.818</b>	<b>200.915.911.106</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>270.322.178.818</b>	<b>200.915.911.106</b>
Vốn cổ phần	411	24	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	64.017.067.516	64.017.067.516
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.305.111.302	898.843.590
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		898.843.590	561.738.304
- LNST năm nay	421b		69.406.267.712	337.105.286
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.102.568.056.196</b>	<b>1.063.448.248.498</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.311.564.073.516	1.021.863.278.533
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.144.780.074.273	956.599.042.334
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>166.783.999.243</b>	<b>65.264.236.199</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	25.399.127.452	29.640.964.682
Chi phí tài chính	22	30	46.169.317.088	62.623.624.537
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.734.335.902	51.873.247.615
Chi phí bán hàng	25	31	17.049.412.925	8.740.964.604
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	48.222.551.517	23.258.495.818
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>80.741.845.165</b>	<b>282.115.922</b>
Thu nhập khác	31		1.484.674.244	1.090.716.493
Chi phí khác	32		39.782.617	1.035.727.129
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.444.891.627</b>	<b>54.989.364</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>82.186.736.792</b>	<b>337.105.286</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	12.780.469.080	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>69.406.267.712</b>	<b>337.105.286</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>82.186.736.792</b>	<b>337.105.286</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		59.547.483.440	58.743.720.812
Các khoản dự phòng	03		2.824.244.855	(81.191.581)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.138.139.190	(3.699.619.476)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.775.220.861)	(11.475.771.822)
Chi phí lãi vay	06		37.734.335.902	51.873.247.615
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>179.655.719.318</b>	<b>95.697.490.834</b>
Biến động các khoản phải thu	09		14.994.088.993	(9.488.762.585)
Biến động hàng tồn kho	10		(80.630.602.587)	61.894.195.233
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		137.510.598.190	(97.499.831.968)
Biến động chi phí trả trước	12		1.441.392.332	610.691.972
			<b>252.971.196.246</b>	<b>51.213.783.486</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(39.557.001.525)	(49.375.942.535)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.726.615.346)	(536.325.829)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(624.400.000)	(499.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>201.063.179.375</b>	<b>801.915.122</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(18.220.948.795)	(4.598.243.984)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		393.363.636	49.658.045
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(15.900.000.000)	(500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		8.400.000.000	3.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.143.565.883	10.334.942.285
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.184.019.276)</b>	<b>8.786.356.346</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		918.449.639.696	845.577.764.984
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.080.322.347.637)	(871.803.764.211)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.119.301.586)	(2.145.827.424)
Tiền trả cổ tức	36		(183.030.000)	(205.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(164.175.039.527)</b>	<b>(28.576.876.651)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>20.704.120.572</b>	<b>(18.988.605.183)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>16.548.630.328</b>	<b>35.180.329.997</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>983.001.929</b>	<b>356.905.514</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>38.235.752.829</b>	<b>16.548.630.328</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

# **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm 2020, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết, được liệt kê tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 1.069 nhân viên (1/1/2021: 1.103 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                             |            |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc    | 6 – 50 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 năm  |
| ▪ máy móc và thiết bị       | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển    | 6 – 10 năm |

#### **(g) Tài sản cố định vô hình**

##### **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.





## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (h) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

##### (i) **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

##### (ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 6 – 50 năm

#### (i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### (j) **Chi phí trả trước dài hạn**

##### **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### (k) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### (l) **Vốn cổ phần**

##### **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

04  
NG  
HIỆN  
PN  
LIỆ

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(o) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	694.179.272	887.835.871
Tiền gửi ngân hàng	37.541.573.557	15.660.794.457
	<hr/>	<hr/>
	38.235.752.829	16.548.630.328
	<hr/>	<hr/>

19/12/2021

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2021</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	16.000.000.000	16.000.000.000
<hr/>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)
<hr/>		

	<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
<hr/>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)
<hr/>		

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,8% đến 6,4% (1/1/2021: từ 6,2% đến 6,4%).
- (ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (1/1/2021: từ 6,8% đến 7,2%).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021				1/1/2021			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)	52,52%	2.876.479.633	(*)	
• Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)	100,00%	5.000.000.000	(*)	
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)	62,58%	5.632.500.000	(*)	
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)	53,46%	4.009.500.000	(*)	
			<u>17.518.479.633</u>			<u>17.518.479.633</u>		
<b>Công liên kết</b>								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)	36,00%	3.045.174.793	(*)	
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)	36,92%	23.000.000.000	(*)	
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)	36,00%	1.980.000.000	(*)	
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)	45,97%	13.791.000.000	(*)	
			<u>41.816.174.793</u>			<u>41.816.174.793</u>		
<b>Đơn vị khác</b>								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.812.445.700	0,002%	1.348.555.000	2.866.371.650	
			<u>60.683.209.426</u>			<u>60.683.209.426</u>		

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	3.620.564.093	1.409.892.970
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	2.688.443.098	1.788.419.544
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	108.099.090	179.626.488
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	103.442.463.756	119.233.824.989
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	-	241.204.811
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	48.483.349
<b>Bên khác</b>		
China Ctexic Corporation	7.413.155.856	-
Xiamen ITG Group Corp., Ltd	8.983.499.940	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	3.157.017.578	4.686.453.694
Công ty TNHH Đức Hiếu	-	7.737.710.301
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	-	4.076.351.244
Các khách hàng khác	62.006.147.940	58.862.931.483
	191.419.391.351	198.264.898.873

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 6,5% (2020: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty này chưa thanh toán.

**7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết. Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 6,5% (2020: 7,5%) một năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (*)	2.448.642.181	-
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	690.902.556	3.163.492.425
Ký cược, ký quỹ	420.868.000	420.868.000
Cổ tức phải thu các công ty con và công ty liên kết	-	8.328.879.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ công ty liên kết	-	36.995.968
Phải thu khác	49.166.578	474.576.569
	3.609.579.315	12.424.811.962

(\*) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	520.975.945	2.511.040.148
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	-	281.625.000
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	169.926.611	924.920.044
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	-	198.534.000
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	-	5.750.000.000
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	-	1.062.606.642
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	476.641.559
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	324.000.000
	690.902.556	11.529.367.393

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty (**)	-	5.793.421.544
Phải thu dài hạn khác	695.980.960	468.385.962
	<hr/>	<hr/>
	3.895.980.960	9.461.807.506

- (\*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.
- (\*\*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Trong năm 2021, Tổng Công ty đánh giá các khoản phải thu này không có khả năng thu hồi, do đó Tổng Công ty đã ghi nhận khoản phải thu này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2021				1/1/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Từ 2 năm đến 3 năm	5.074.999.999	(5.074.999.999)	-	Từ 1 năm đến 2 năm	5.259.999.999	(5.259.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất								
Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	-	-	-	-
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	366.272.674	(109.881.802)	256.390.872	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.082.286.451	(324.685.935)	757.600.516
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	562.713.148	(281.356.574)	281.356.574	Từ 1 năm đến 2 năm	3.260.117.668	(2.030.058.834)	1.230.058.834
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.620.915.939	(4.620.915.939)	-	Trên 3 năm	1.426.511.812	(1.426.511.812)	-
		<b>15.956.603.306</b>	<b>(15.418.855.860)</b>	<b>537.747.446</b>		<b>13.911.975.295</b>	<b>(11.924.315.945)</b>	<b>1.987.659.350</b>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(12.218.855.860)				(9.924.315.945)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(2.000.000.000)	
			<b>(15.418.855.860)</b>				<b>(11.924.315.945)</b>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Hàng mua đang đi trên đường	53.550.393.750	-	7.363.780.455	-	
Nguyên vật liệu	117.202.409.983	-	76.821.279.260	-	
Công cụ và dụng cụ	130.681.174	-	186.936.204	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.620.349.806	-	7.294.622.887	-	
Thành phẩm	20.111.594.585	(501.082.333)	35.283.646.893	(1.062.555.435)	
Hàng hóa	2.192.362.394	(65.079.380)	1.908.315.474	(173.901.338)	
Hàng gửi bán	5.681.392.068	-	-	-	
	<hr/>				
	209.489.183.760	(566.161.713)	128.858.581.173	(1.236.456.773)	<hr/>

12  
DN  
NH  
P  
LI

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	295.555.711.267	2.971.732.670	663.623.403.534	39.595.796.688	1.001.746.644.159
Mua mới trong năm	-	41.220.000	-	-	41.220.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	6.753.441.932	62.000.000	5.418.158.110	2.157.362.555	14.390.962.597
Thanh lý	(1.699.684.437)	(137.053.810)	(3.885.407.165)	(1.034.854.545)	(6.756.999.957)
Số dư cuối năm	300.609.468.762	2.937.898.860	665.156.154.479	40.718.304.698	1.009.421.826.799
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	87.768.681.776	1.749.674.685	309.434.762.566	17.667.833.778	416.620.952.805
Khấu hao trong năm	14.929.009.625	186.887.445	37.210.815.521	4.015.803.622	56.342.516.213
Thanh lý	(1.699.684.437)	(137.053.810)	(3.839.159.058)	(986.734.962)	(6.662.632.267)
Số dư cuối năm	100.998.006.964	1.799.508.320	342.806.419.029	20.696.902.438	466.300.836.751
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	207.787.029.491	1.222.057.985	354.188.640.968	21.927.962.910	585.125.691.354
Số dư cuối năm	199.611.461.798	1.138.390.540	322.349.735.450	20.021.402.260	543.120.990.048

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 305.127 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 262.514 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 487.935 triệu VND (1/1/2021: 541.769 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.580.151.169
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	4.617.818.878
Khấu hao trong năm	2.577.854.124
Số dư cuối năm	7.195.673.002
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	9.962.332.291
Số dư cuối năm	7.384.478.167

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 7.384 triệu VND (1/1/2021: 9.962 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.378.939.809
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.240.863.867
Khấu hao trong năm	564.113.103
Số dư cuối năm	6.804.976.970
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	6.138.075.942
Số dư cuối năm	5.573.962.839

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	18.461.496.771	46.552.689.583
Tăng trong năm	17.225.911.272	7.388.924.984
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(14.390.962.597)	(32.689.436.796)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))	(2.028.428.323)	(2.553.663.045)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(66.500.000)	(237.017.955)
Chuyển sang chi phí	(721.209.639)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.480.307.484	18.461.496.771

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	12.944.252.512	13.079.345.579
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	114.506.019	35.855.784
Các công trình khác	408.181.818	332.928.273
	<hr/>	<hr/>
	18.480.307.484	18.461.496.771

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	50.424.503	473.042.775
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.626.186.626	2.119.828.484
	<hr/>	<hr/>
	2.676.611.129	2.592.871.259



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	6.235.171.136
Tăng trong năm	5.940.883.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	2.028.428.323
Phân bổ trong năm	(14.690.467.045)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(8.897.045.501)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.710.038.934
	<hr/>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	1.306.635.543	1.129.870.630
<b>Bên khác</b>		
Viterra B.V.	23.567.057.313	-
Devcot S.A	10.862.653.682	7.381.238.385
Ecom USA LLC	14.063.622.108	-
Afcom Trading DMCC	22.270.931.250	10.353.373.780
Louis Dreyfus Company Suisse S.A	16.012.073.130	-
Olam International Limited	27.286.383.189	-
Ecom Commodities Pty. Ltd	15.631.727.990	-
Cam Negoce, Division Cotton	-	7.585.559.661
Các nhà cung cấp khác	45.935.189.674	43.315.631.492
	<hr/>	<hr/>
	176.936.273.879	69.765.673.948
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12-C  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 DỆT MAY  
 NAM ĐỊNH  
 M - 1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	599.361.876	69.568.677.665	(69.142.498.963)	1.025.540.578
Thuế nhập khẩu	-	673.524.948	(673.524.948)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.276.092)	12.780.469.080	(11.726.615.346)	1.004.577.642
Thuế thu nhập cá nhân	12.392.806	117.613.007	(124.633.559)	5.372.254
Thuế tài nguyên	12.505.027	301.790.932	(303.170.026)	11.125.933
Tiền thuế đất	-	6.835.079.417	(6.835.079.417)	-
Các loại thuế khác	(23.620.390)	62.825.451	(39.205.061)	-
	551.363.227	90.339.980.500	(88.844.727.320)	2.046.616.407
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(72.896.482)			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	624.259.709			2.046.616.407

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	1.105.384.169	1.475.168.947
Chi phí điện, nước phải trả	1.126.826.847	732.891.372
Chi phí khác	291.418.182	284.163.403
	2.523.629.198	2.492.223.722



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Các khoản phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	322.416.203	595.756.804
Cổ tức phải trả	886.306.250	1.069.336.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	189.610.995	2.490.463.413
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	58.180.000	50.180.000
	<hr/>	<hr/>
	1.456.513.448	4.205.736.467
	<hr/>	<hr/>

(\*) Chi phí lãi vay phải trả công ty mẹ không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	3.712.500.000	6.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	3.831.923.822	6.331.923.822
	<hr/>	<hr/>

(\*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20.	Vay và nợ thuê tài chính	1/1/2021				31/12/2021	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
(a)	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
	Vay ngắn hạn	310.179.153.751	919.072.685.773	(994.901.264.546)	605.974.868	234.956.549.846	
	Vay dài hạn đến hạn trả	40.864.920.203	12.634.645.717	(40.864.920.203)	-	12.634.645.717	
	Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.119.301.586	2.129.065.392	(2.119.301.586)	-	2.129.065.392	
		353.163.375.540	933.836.396.882	(1.037.885.486.335)	605.974.868	249.720.260.955	

1/2/ 2022

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Bên khác</b>				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 3,5%	58.207.279.206	48.572.054.548
Vay ngân hàng 2	VND	6,5%	2.600.000.000	98.199.700.586
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	15.177.228.596	15.845.625.892
Vay ngân hàng 4	VND	6,4%	-	45.286.745.296
Vay ngân hàng 5	VND	6,5%	44.936.382.390	59.281.460.357
Vay ngân hàng 6	USD	3,8% - 4%	-	1.902.978.640
Vay ngân hàng 7	USD	3,4%	54.609.565.783	34.316.820.883
Vay ngân hàng 8	USD	2,88%	45.349.137.660	-
Vay cá nhân	VND	2,4% - 6,9%	14.076.956.211	6.773.767.549
			234.956.549.846	310.179.153.751

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 62.327 triệu VND (1/1/2021: 68.124 triệu VND).

Các khoản vay cá nhân không được đảm bảo.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Vay dài hạn (i)	367.964.580.174	451.730.628.510
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	5.662.729.661	7.840.014.035
	373.627.309.835	459.570.642.545
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.763.711.109)	(42.984.221.789)
	358.863.598.726	416.586.420.756

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	130.393.830.448	134.255.276.720
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2022	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Bên khác</b>					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% - 5,5%	2024	90.651.531.608	135.225.612.965
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	53.950.138.307	79.247.843.491
Vay từ ngân hàng 10 (****)	USD	7,7%	2024	9.519.691.203	19.552.506.726
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				367.964.580.174	451.730.628.510

(\*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 121.136 triệu VND (1/1/2021: 132.409 triệu VND).

(\*\*\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 261.707 triệu VND (1/1/2021: 283.078 triệu VND).

(\*\*\*\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42.765 triệu VND (1/1/2021: 58.158 triệu VND).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Các khoản nợ thuế tài chính**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	2.406.368.441	284.465.401	2.425.091.943	305.790.357
Trong vòng hai đến năm năm	3.712.796.345	171.969.724	6.080.882.657	360.170.208
	6.119.164.786	456.435.125	8.505.974.600	665.960.565
				7.840.014.035

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trong nợ thuế tài chính có số nợ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 154.352 USD (1/1/2021: 246.570 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại là 7.384 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 9.962 triệu VND) (Thuyết minh 12).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.280.854.493	1.780.454.493
Sử dụng trong năm	(624.400.000)	(499.600.000)
Số dư cuối năm	<u>656.454.493</u>	<u>1.280.854.493</u>

**22. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

120  
ÔNG  
: NHIỆ  
KP  
/ LI





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2021 và 1/1/2021		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	51.055.013.167	53.006.160.167
	60.810.748.167	62.761.895.167
	60.810.748.167	62.761.895.167

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	626.615	14.169.212.565	15.952	363.273.324
EUR	450	11.281.457	450	12.279.459
		14.180.494.022		375.552.783
		14.180.494.022		375.552.783

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán hàng	1.162.237.762.860	878.049.029.774
Cung cấp dịch vụ	40.944.195.932	52.004.985.039
Dịch vụ gia công	99.057.782.522	88.308.763.731
Cho thuê bất động sản đầu tư	9.324.332.202	3.500.499.989
	1.311.564.073.516	1.021.863.278.533
	1.311.564.073.516	1.021.863.278.533

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.011.652.103.047	836.296.488.290
Dịch vụ đã cung ứng	26.304.434.269	42.354.043.260
Dịch vụ gia công	102.488.273.552	82.573.304.373
Bất động sản đầu tư cho thuê	5.005.558.465	1.437.199.186
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(670.295.060)	(6.061.992.775)
	<hr/> 1.144.780.074.273	<hr/> 956.599.042.334

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	634.049.463	511.903.253
Lãi do người mua chậm trả	3.934.706.722	4.472.197.923
Cổ tức được chia	-	7.992.054.000
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	2.500.000.000	3.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.700.319.172
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.988.195.815	9.751.490.334
Lãi trái phiếu	342.175.452	213.000.000
	<hr/> 25.399.127.452	<hr/> 29.640.964.682

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	37.734.335.902	51.873.247.615
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.296.841.996	10.749.677.226
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.138.139.190	699.696
	<hr/> 46.169.317.088	<hr/> 62.623.624.537

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	10.737.568.205	4.884.777.616
Chi phí đại lý bán hàng	3.051.740.144	1.641.953.905
Chi phí xuất khẩu	2.852.450.705	1.795.524.541
Chi phí bán hàng khác	407.653.871	418.708.542
	<hr/>	<hr/>
	17.049.412.925	8.740.964.604
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương nhân viên	30.420.709.751	4.566.624.636
Dự phòng phải thu khó đòi	3.494.539.915	5.980.801.194
Chi phí phân bổ trả trước	1.335.652.100	2.084.379.789
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.547.443.515	2.680.404.475
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.424.206.236	7.946.285.724
	<hr/>	<hr/>
	48.222.551.517	23.258.495.818
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	781.269.630.144	559.340.354.244
Chi phí nhân công	133.536.894.446	101.083.313.289
Chi phí khấu hao và phân bổ	59.547.483.440	58.743.720.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.572.451.027	78.981.843.051
Chi phí khác	30.914.988.317	12.206.948.963
	<hr/>	<hr/>

HỢP TÁC

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.186.736.792	337.105.286
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	16.437.347.358	67.421.057
Chi phí không được khấu trừ thuế	70.055.978	240.123.290
Thu nhập không bị tính thuế	(500.000.000)	(2.241.010.800)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế (*)	-	3.649.038.007
Điều chỉnh thuế các năm trước theo hướng dẫn tại Nghị định 132 (*)	-	(2.524.739.151)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	809.167.597
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang theo Nghị định 132 (**)	(3.226.934.256)	-
	12.780.469.080	-

(\*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay năm 2019 và 2020 với số tiền lần lượt là 18.180 triệu VND và 18.245 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

(\*\*) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã ghi nhận một khoản lợi ích với số tiền 16.135 triệu VND từ chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm trước theo hướng dẫn của Nghị định 132. Theo đó, chi phí lãi vay năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 2.045 triệu VND và 18.245 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

**(b) Thuế suất áp dụng**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.667.020.370	406.705.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.671.104.270	39.920.000
Hoàn trả khoản vay	2.510.556.811	-
Chi phí lãi vay	4.549.957.195	4.874.698.227
Lãi phí cho khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.272.422.631	2.429.551.341
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định</b>		
Cổ tức	-	198.534.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	47.673.900	44.975.776
Mua dịch vụ	12.149.223.639	9.315.300.849
Chi phí lãi vay	775.625.000	1.383.731.625
<b>Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	250.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.395.142.935	10.032.360.270
Mua hàng hóa	1.567.500	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	281.625.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	38.697.261.455	47.133.788.531
Mua hàng hóa	32.795.869.159	-
Thu nhập lãi trả chậm	80.732.591	23.495.502
<b>Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	400.950.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.941.309.555	2.326.171.616
Mua hàng hóa	38.265.637	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	158.400.000
Bán hàng hóa	1.376.026.495	2.857.907.612
Khoản cho vay	4.900.000.000	6.500.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	8.400.000.000	8.600.000.000
Thu nhập lãi vay	326.662.274	348.049.059
Thu nhập lãi trả chậm	-	137.291.666

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	5.750.000.000
Nhận hỗ trợ	2.500.000.000	3.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	324.000.000
Cung cấp dịch vụ	2.029.192.996	2.464.933.928
Mua hàng hóa	74.282.384	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	628.545.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	166.631.225.970	207.584.441.226
Mua hàng hóa	82.148.480.805	-
Thu nhập lãi trả chậm	3.853.974.131	4.311.410.755

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	2021 VND	2020 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Thù lao</b>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	58.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	32.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	32.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	32.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	32.000.000	24.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	24.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	24.000.000	-
<b>Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Giám đốc</b>		
<b>Lương thưởng</b>		
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc	257.725.329	202.626.036
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	23.425.000	4.062.317
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	236.155.482	179.765.351
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	23.425.000	4.062.317
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	187.172.229	51.599.306
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Giám đốc Điều hành	217.250.501	166.371.167

CÔNG TY CỔ PHẦN  
 DỆT MAY NAM ĐỊNH  
 PHỤ HỮU HẠN

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Ban Kiểm soát**

**Thù lao**

Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	24.000.000	-
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	22.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	26.000.000	6.000.000
Bà Đỗ Thị Thơ – Thành viên Ban Kiểm soát	10.000.000	12.000.000

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

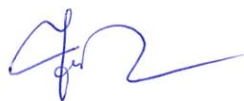
	2021 VND	2020 VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản hỗ trợ phải thu	2.500.000.000	3.000.000.000
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	198.534.000	-
Lãi vay nhập gốc	847.971.573	-

**37. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Phương Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc